TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2018/HC-PT
Ngày 14-8-2018
V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Đặng An Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh*:* Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 74/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc: Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 56/2017/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1004/2018/QĐPT-HC ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số xx đường C, phường C1, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện D; địa chỉ: Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Công D1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (theo văn bản ủy quyền ngày 15/11/2017), (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số xx đường C, phường C1, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2017, ông Phan Văn T trình bày*:* Gia đình

ông T được Ủy ban nhân dân huyện D cấp quyền sử dụng đất diện tích 792m^2 (trong đó: 200m^2 đất thổ cư, đất vườn 217m^2, đất hành lang lộ giới 375m^2), thuộc thửa 291, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00422 QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/9/2004. Trên đất, ông T có xây dựng 01 căn nhà cấp 4B có diện tích 170m^2. Năm 2005, thực hiện dự án công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT744 (đoạn Km32 đến cầu Cát), đất của gia đình ông T nằm trong dự án. Ngày 22/7/2005, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê hiện trạng đất của gia đình ông T, xác định gia đình ông T có một phần căn nhà và đất bị giải tỏa; được áp giá bồi thường, hỗ trợ như sau: Bồi thường nhà: 77.613.897 đồng (trong đó: Phần giải tỏa 32.710.838 đồng, hỗ trợ sửa chữa 3.271.084 đồng, hỗ trợ kéo theo 41.631.975 đồng, công trình phụ 6.434.960 đồng); bồi thường cây trồng: 423.000 đồng. Tổng cộng là 84.471.857 đồng.

Tại biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 22/7/2005, Tổ chuyên viên của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bình Dương đã đo đạc từ tim đường cũ đến đất của gia đình ông T bị giải tỏa, đoạn nhiều nhất là 20,2m, đoạn ít nhất là 19,8m. Như vậy, Tổ chuyên viên đã khảo sát hiện trạng đất giải tỏa chưa đến 21m. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T để điều chỉnh lại diện tích là không cơ sở. Ông T không đồng ý nên đã khiếu nại trong nhiều năm. Đến ngày 14/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định 1127/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 với lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00422 QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/9/2004 cấp cho hộ Phan Văn T là không sai vị trí, thửa đất, tờ bản đồ, diện tích, họ tên và địa chỉ. Ông T cho rằng: Theo kết quả đo đạc ngày 30/6/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thì đất của gia đình ông T bị mất 125,8m^2 nên khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét hủy Quyết định 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D.

Tại buổi đối thoại ngày 16/11/2017, đại diện người bị kiện cho rằng: Việc Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00422 QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/9/2004 cấp cho hộ ông Phan Văn T là không đúng vì: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00422 QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/9/2004 cấp cho hộ ông Phan Văn T là không sai vị trí thửa đất, tờ bản đồ, diện tích, họ tên và địa chỉ. Diện tích nâng cấp mở rộng đường ĐT744 đoạn từ Km32 đến cầu Cát là nằm trong diện tích đất 375m^2 hành lang lộ giới. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc thu hồi Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 là đúng nên Ủy ban nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

Quá trình kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định.

Các bên đương sự xác định đã giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án không cung cấp tài liệu, chứng cứ bổ sung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2017/HC-ST ngày 21-12-2017 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 125, 130, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 62, Điều 63 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013,

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T đối với Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc thu hồi Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 02-01-2018, ông Phan Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc thu hồi Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Phan Văn T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông T cho rằng: Theo kết quả đo đạc ngày 30/6/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thì đất của gia đình ông T bị mất 125,8m^2 nên khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét hủy Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc thu hồi Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D: Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu về chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, của đương sự; phân tích các chứng cứ có ở hồ sơ, ý kiến của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện, quan điểm của Viện kiểm sát; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều

30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về tố tụng:

- Người bị kiện vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 157 và 158 luật Tố tụng hành chính.

- Ngày 28/9/2016 ông T nhận được Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện D. Ngày 13/9/2017, ông T nộp đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Theo khởi kiện, ông Phan Văn T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D; ông T không yêu cầu Tòa án đưa các thành viên trong hộ ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, việc Tòa án không đưa các thành viên trong hộ ông T vào tham gia tố tụng trong vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ khi xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[3] Xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện D: Ủy ban nhân dân huyện D đã căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013 để ban hành quyết định là đảm bảo về mặt hình thức và thẩm quyền ban hành văn bản.

[4] Về nội dung: Ngày 23/3/2007 Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00422 QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/9/2004 của ông Phan Văn T, nhưng sau đó Ủy ban nhân dân huyện D nhận thấy nội dung của quyết định trên là không đúng, nên đã ban hành Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 để thu hồi lại Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D là có căn cứ, đúng thẩm quyền ban hành văn bản. Mặt khác, trước đây ông T không đồng ý với nội dung của Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D nên đã có đơn khiếu nại. Nay ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 để thu hồi lại Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007, quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00422 QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp không bị ảnh hưởng. Vì vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện D là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T cho rằng: Theo kết quả đo đạc ngày 30/6/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thì đất của gia đình ông T bị mất 125,8m^2 nên khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình

Dương xem xét hủy Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc thu hồi Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D. Việc ông T có bị mất 125,8m^2 đất hay không bị mất 125,8m^2 đất không liên quan đến Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 và Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện D nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Xét án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, đúng pháp luật, cần được giữ nguyên. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T không được chấp nhận, nên ông T phải nộp án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lộ phí Tòa án.

Án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Phan Văn T và giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 125, 130, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 62, Điều 63 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013,

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T đối với Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương về yêu cầu hủy Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc thu hồi Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện D.

- Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0010775 ngày 26/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0010886 ngày 08/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Bình Dương (1);
– VKSND tỉnh Bình Dương (1);
– Cục THADS tỉnh Bình Dương(1);
– Các đương sự (3);
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3),12b (PMT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Bình